

Bản án số: 107/2025/HS-ST

Ngày: 12/3/2025.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Thanh Nguyễn.

*Thẩm phán:* Ông Trương Công Huân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Cường.

2. Bà Thi Thị Tuyết Nhung.

3. Bà Nguyễn Thị Nở.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Yên Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 03 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 831/2024/HSST, ngày 23/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 704/2025/QĐXXST-HS ngày 20/02/2025 đối với bị cáo:

**Trần Thị Kim T**, sinh năm 1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 6 Ấp N, xã Phú X, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 2 Đường số B, khu dân cư Hà Đ, Phường M2, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc B và bà Phương Thị V; có chồng: Đặng Quốc D; có 02 con, con lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 22/8/2023. (có mặt tại phiên tòa).

+ *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Kim T:*

Luật sư Nguyễn Trung C, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

+ *Bị hại:*

1/ Bà Lê Tú P, sinh năm 1982

Địa chỉ: C10-XX Chung cư AL, đường N, Phường M7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Hoàng Ng, sinh năm 1983

Địa chỉ: 117/58/A Nguyễn Hữu C, Phường H2, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

3/ Bà Đặng Thị Tuyết V1, sinh năm 1984

Địa chỉ: 1X0 Võ Văn K, phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*+Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1973

Địa chỉ: Phòng B1X Chung cư G, 1XX Xa Lộ H, phường TĐ, Thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

2/ Trần Quốc B, sinh năm 1956

Địa chỉ: 63/C Đường số N, phường LT, Tp. TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

3/ Nguyễn Vũ Anh Th, sinh năm 1982

Địa chỉ: 41 Lầu N, AB, Phường S, Quận N1, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 02/2020, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, có nhiều người Việt Nam ở nước ngoài không thể về nước, nên Trần Thị Kim T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của những người này thông qua thủ đoạn lợi dụng chính sách thực hiện các chuyến bay giải cứu nhân đạo của Chính phủ Việt Nam. Để thực hiện hành vi phạm tội, T sử dụng tài khoản Facebook tên Trần Kim T tham gia nhóm Facebook tên “Hoi CMDHS VN tại Mỹ-Covid” để tìm hiểu thông tin về những chính sách của Chính phủ Việt Nam trong việc đưa người dân đang ở nước ngoài về nước bằng các chuyến bay giải cứu nhân đạo. Sau đó, T tải các Văn bản, Thông báo của các Cơ quan Nhà nước và Bộ Ngoại giao lên trang Facebook của mình, kèm thông tin quảng cáo có thể mua vé của các chuyến bay giải cứu và có khả năng lo thủ tục phê duyệt của Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán tại nước ngoài cho người muốn bay về Việt Nam trong dịch thời điểm bệnh Covid-19, làm các bị hại tưởng thật đã chuyển tiền cho T. Bằng thủ đoạn trên, Trần Thị Kim T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt của các bị hại sau:

1. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Lê Tú P:

Cuối tháng 09/2020, bà Lê Tú P sang Mỹ để thăm con đang du học. Tại đây, bà P nghe tin mẹ ruột nhập viện nên tìm cách mua vé máy bay quay về Việt

Nam. Tuy nhiên, do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid - 19 nên bà P không mua được vé máy bay. Thông qua một người hàng xóm tại Mỹ, bà P kết bạn với một người phụ nữ tên Q (chưa rõ lai lịch, sử dụng tài khoản Facebook tên “Ho Tan Q”). Thông qua Quyên, bà P quen biết với Nguyễn Tuấn L (sử dụng tài khoản Facebook tên “L NT”). Qua nói chuyện, L biết bà P đang cần mua vé máy bay cho bà P và 03 người thân trong gia đình về Việt Nam gấp. Do trước đây cùng làm ăn chung, L nghe Trần Thị Kim T (là người bán vé máy bay) nói có khả năng mua vé và lo thủ tục cho người dân đang mắc kẹt ở nước ngoài về nước trong đợt dịch bệnh Covid, nên L hứa giúp bà P mua được vé của các chuyến bay giải cứu cho bà P và 03 người thân của bà P (gồm 02 vé đi từ Mỹ và 02 vé đi từ Đài Loan). Sau đó, L liên hệ với Trần Thị Kim T thì được T báo giá là 1.007.320.000 đồng, L thông báo lại cho bà P biết, nên các trong ngày 01/10/2020, 02/10/2020 và ngày 04/10/2020, bà P sử dụng tài khoản số 1100119648XXX của bà P mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (gọi tắt là MB Bank) 06 lần chuyển tổng cộng số tiền 1.007.320.000 đồng vào số tài khoản 0881000451XXX của L mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (gọi tắt là Vietcombank). Sau khi nhận tiền của bà P, L đã sử dụng số tài khoản trên chuyển số tiền 1.007.320.000 đồng đến số tài khoản 0071003895XXX của T mở tại Vietcombank. Sau khi nhận tiền của L, T chuyển số tiền 970.000.000 đồng cho đối tượng tên T2 (có Facebook tên Giang T2, không rõ lai lịch) để nhờ lo vé máy bay và thủ tục pháp lý cho bà P. Vài ngày sau, T2 báo lại không thực hiện được và Tú chuyển trả lại cho T số tiền 600.000.000 đồng nhưng T không đưa lại cho L để L trả lại cho bà P mà tiêu xài cá nhân hết. T khai do không liên lạc được với Tú nên không đòi được số tiền 370.000.000 đồng còn lại. Tổng số tiền Trần Thị Kim T chiếm đoạt của bà Lê Tú P là 1.007.320.000 đồng.

## 2. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Hoàng Ng:

Năm 2020, bà Nguyễn Hoàng Ng quen biết với Trần Thị Kim T. Trong thời gian quen biết, bà Ng nhờ T mua vé máy bay cho người thân của bà Ng từ Mỹ về Việt Nam, T đồng ý. Sau đó, T yêu cầu bà Ng chuyển tiền để mua vé máy bay, làm thủ tục và đặt cọc cách ly y tế Covid-19, thực tế T không có khả năng mua vé của các chuyến bay giải cứu đưa người Việt Nam từ nước ngoài về nước trong thời điểm dịch Covid-19. Bà V tưởng thật nên đã nhiều lần chuyển tiền vào các số tài khoản do T chỉ định, cụ thể như sau: ngày 19/10/2020, bà Ng chuyển số tiền 38.000.000 đồng vào số tài khoản 0881000451XXX mở tại Vietcombank do Nguyễn Tuấn L đứng tên (T khai nhờ L nhận dùm và L đã rút số tiền trên đưa lại cho T) và số tiền 69.600.000 đồng vào số tài khoản 19036054449YYY mở tại Techcombank do Nguyễn Tuấn L đứng tên (là tài khoản do lúc làm ăn chung L đưa cho T mượn sử dụng); Ngày 20/10/2020, bà Ng chuyển số tiền 116.000.000 đồng vào số tài khoản 19036054449YYY mở tại Techcombank do Nguyễn Tuấn L đứng tên; Ngày 09/02/2021, bà Ng chuyển số tiền 69.000.000 đồng vào số tài khoản 060182184ZZZ mở tại Sacombank do Trần Quốc B (là cha của T, T nhờ ông B nhận tiền dùm) đứng tên chủ tài khoản. Ngày 10/02/2021, T tiếp tục yêu cầu bà Ng chuyển số tiền 87.000.000 đồng vào

số tài khoản 19120998947AAA mở tại Techcombank do Nguyễn Vũ Anh Th đứng tên để nâng hạng vé máy bay từ thương gia lên thương gia linh hoạt (thực tế số tiền trên chuyển vào tài khoản chị Th để trả nợ cho chị Thu). T khai hiện chỉ nhớ có đặt vé tại hãng hàng không Eva Air cho người thân của bà M, nhưng không nhớ thời gian, nội dung đặt vé như thế nào. Tổng số tiền Trần Thị Kim T chiếm đoạt của bà Nguyễn Hoàng Ng là 448.600.000 đồng.

### 3. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Đặng Thị Tuyết V1:

Bà Đặng Thị Tuyết V1 quen biết với Trần Thị Kim T qua mối quan hệ xã hội. Quá trình quen biết, T tự giới thiệu là đại lý vé máy bay của hãng hàng không Việt Nam Airlines. Ngày 31/12/2020, bà V nhờ T mua 02 vé máy bay cho 02 người cháu của bà V từ Australia về Việt Nam. Do dịch Covid 19 diễn biến phức tạp nên T yêu cầu bà V thanh toán toàn bộ tiền vé và tiền bảo hiểm Covid 19 với tổng số tiền là 332.000.000 đồng. Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 07/01/2021, bà V đã sử dụng số tài khoản 200014949954XXX mở tại Eximbank và nhờ cháu bà V tên Hồ Han M1 (đang ở Úc) nhiều lần chuyển vào khoản số 19036429854XXX của T mở tại Techcombank số tiền 332.000.000 đồng. Tuy nhiên, T không giao vé máy bay như cam kết nên ngày 27/01/2021, bà V đến nhà tìm thì T viết giấy biên nhận và cam kết đến ngày 03/02/2021 sẽ hoàn trả lại số tiền 332.000.000 đồng cho bà V. Đến ngày 06/02/2021, T trả trước cho bà V số tiền 100.000.000 đồng và cam kết trả số tiền còn lại trước ngày 01/3/2021. Tuy nhiên, sau đó T chiếm đoạt số tiền trên và tiêu xài cá nhân hết. Tổng số tiền Trần Thị Kim T chiếm đoạt của bà Đặng Thị Tuyết V1 là 332.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trần Thị Kim T. Do T bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định truy nã.

Ngày 22/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã bắt được Trần Thị Kim T.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Trần Thị Kim T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, phù hợp lời khai các bị hại, sao kê tài khoản, các nội dung tin nhắn và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Ngoài hành vi chiếm đoạt tài sản của 03 bị hại nêu trên, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh còn tiếp nhận nguồn tin của của nhiều người tố giác Trần Thị Kim T, cụ thể:

Đối với tố giác của bà Nguyễn Vũ Anh Th tố giác T có hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” thông qua việc T mượn xe ô tô hiệu Toyota Innova, biển số 51F – 507.80 của bà Thu để sử dụng. Qua xác minh ngày 02/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Đối với tố giác của bà Đồng Thị Ngân H tố giác Trần Thị Kim T có hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bằng việc đưa ra thông tin là nhân viên Bộ Quốc Phòng để liên hệ H mua rượu. Qua xác minh ngày 02/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Đối với tố giác của các ông bà Trần Văn D1, Nguyễn Minh N, Văn Thành H1, Phạm Thị H2, Nguyễn Thị Trang Ph tố giác Trần Thị Kim T có hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thông qua việc bán xe cho ông D1 và ông N, nhận đặt vé máy bay cho ông H1, bán hàng hải quan thanh lý cho bà H2 và bán máy rửa mặt, khẩu trang y tế cho bà P. Qua xác minh ngày 17/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định phục hồi nguồn tin và hiện đang xác minh làm rõ, nếu có cơ sở sẽ khởi tố xử lý sau.

\* Về dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, gia đình Nguyễn Tuấn L đã hoàn trả lại cho bà Lê Tú P số tiền 1.100.000.000 đồng và bà P đã làm đơn bãi nại cho Nguyễn Tuấn L.

Sau khi sự việc xảy ra, Trần Thị Kim T đã nhiều lần chuyển trả cho bà Nguyễn Hoàng Ng số tiền 195.000.000 đồng, bà Ng yêu cầu Trần Thị Kim T còn phải bồi thường số tiền 253.000.000 đồng; T chuyển trả cho bà Đặng Thị Tuyết V1 số tiền 250.000.000 đồng, bà V yêu cầu T còn phải bồi thường số tiền 82.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 668/CT-VKS-P2 ngày 17/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Trần Thị Kim T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Thị Kim T đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai.

Sau khi kiểm tra, đánh giá toàn bộ lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng với các tài liệu chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Thị Kim T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, l khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Kim T từ 14 năm đến 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Thời hạn tù tính từ ngày 22/8/2023;

Buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại, bao gồm: bồi thường cho bà Nguyễn Hoàng Ng số tiền 253.000.000 đồng; bồi thường cho bà Đặng Thị Tuyết V1 số tiền 82.000.000 đồng.

Luật sư Nguyễn Trung C trình bày bài bào chữa cho bị cáo Trần Thị Kim T: Đồng ý về tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo.

Về mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị phạt bị cáo T từ 14 đến 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là quá nghiêm khắc. Số tiền chiếm đoạt của bà Tú P bị cáo đã trả trước thông qua ông L nên xin xem xét có tính vào số tiền bị cáo chiếm đoạt không. Thực tế thì bị cáo T không sử dụng cá nhân đối với toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng bị cáo chết từ lâu một mình phải nuôi 02 đứa con; bị cáo phạm tội lần đầu; đã bồi thường được phần lớn tiền cho các bị hại; mặt khác tại phiên tòa bị cáo đã đồng ý bồi thường về dân sự theo yêu cầu của phía bị hại. Vì thế đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo T thống nhất với bài bào chữa của vị Luật sư nêu ở trên và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối đáp quan điểm bào chữa của luật sư: Luật sư đề nghị xem xét đối với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bà P nhưng xác định sau khi bị hại đi tố cáo thì ông L mới trả tiền cho bà P nên việc này chỉ được xem xét là tình tiết giảm nhẹ khắc phục hậu quả. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là phù hợp bởi vì lợi dụng tình hình dịch bệnh nguy cấp, bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Việc làm của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tâm lý, dư luận trong xã hội. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã đề nghị.

Các bên tranh luận gì thêm và vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày.

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về gia đình, hòa nhập xã hội và lao động kiếm tiền trả cho các bị hại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Kim T, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, luật sư bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Thị Kim T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm

sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu trên. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ... cho thấy: Bằng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin có thể mua vé của các chuyến bay giải cứu và có khả năng lo thủ tục phê duyệt của Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán tại nước ngoài cho người muốn bay về Việt Nam trong dịch bệnh Covid - 19, bị cáo Trần Thị Kim T đã làm các bị hại tưởng thật và đưa tiền cho T, tổng số tiền Trần Thị Kim T chiếm đoạt của các bị hại là 1.787.920.000 đồng. Trong đó, T chiếm đoạt của bà Lê Tú P số tiền 1.007.320.000 đồng; chiếm đoạt của bà Nguyễn Hoàng Ng số tiền 448.600.000 đồng và chiếm đoạt của bà Đặng Thị Tuyết V1 số 332.000.000 đồng.

Do đó, Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử bị cáo Trần Thị Kim T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi này còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi phạm tội của mình bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị, nhưng chỉ vì tham lam, háms lợi mà bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm, thể hiện bị cáo có thái độ xem thường pháp luật, cần phải xử phạt nghiêm minh.

Trong vụ án này, bị cáo Trần Thị Kim T phạm tội thuộc trường hợp nhiều lần và chiếm đoạt tài sản của nhiều người (đối với 3 người), hành vi phạm tội của bị cáo có sự tinh vi, phức tạp lợi dụng lòng tin của người bị hại đang có nhu cầu cấp thiết bay về Việt Nam trong thời kỳ dịch Covid-19 để phạm tội, chiếm đoạt số tiền rất lớn của các bị hại (cụ thể số tiền thiệt hại trong vụ án là 1.787.920.000 đồng) để tiêu xài hết và hiện không có tài sản để đảm bảo thi hành án số tiền còn lại cho các bị hại.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, trả lại cho các bị hại phần lớn số tiền đã chiếm đoạt; bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và đã tỏ ra ăn năn hối cải; lần đầu phạm tội. Vì vậy, xét có thể áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo;

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án này bị cáo phạm tội nhiều lần, đối với nhiều người mỗi lần phạm tội đều thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Lợi dụng tình trạng thiên tai, dịch bệnh” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, l khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Với những phân tích trên, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, động cơ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc đã truy tố bị cáo Trần Thị Kim T là có cơ sở để chấp nhận. Xét mức án của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, nên áp dụng mức hình phạt thấp hơn tương xứng với hành vi phạm tội, cùng với việc khắc phục hậu quả của bị cáo trong vụ án cũng đủ trừng trị, răn đe đối với bị cáo và giáo dục, phòng ngừa chung.

Lập luận trên đây là cơ sở để chấp nhận và không chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát và vị Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 591; Điều 593 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Trần Thị Kim T phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại có yêu cầu trong vụ án, cụ thể bồi thường như sau:

Bồi thường cho bà Nguyễn Hoàng Ng 253.000.000 đồng.

Bồi thường cho bà Đặng Thị Tuyết V1 82.000.000 đồng.

[7] Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, l khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim T 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 22/8/2023.

2. Căn cứ Điều 46, Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 591; Điều 593 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Trần Thị Kim T bồi thường cho các bị hại, cụ thể:

Bồi thường cho bà Nguyễn Hoàng Ng 253.000.000 (hai trăm năm mươi ba triệu) đồng.

Bồi thường cho bà Đặng Thị Tuyết V1 82.000.000 (tám mươi hai triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 16.750.000 (mười sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đường sự; (6)
- Luật sư; (1)
- THAHS TP.HCM; (1)
- PV06-CA TP. HCM; (1)
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (24) (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thanh Nguyễn**